

**Quyết định giám đốc thẩm**

Số: 90/2022/DS-GĐT

Ngày: 24-9-2022

*V/v tranh chấp về thừa kế tài sản*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**ỦY BAN THẨM PHÁN  
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI**

***- Thành phần Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao gồm có:***

Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hồng Nam;

Các thành viên: Ông Thái Duy Nhiệm;

Bà Nguyễn Thị Thanh Xuân.

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Ngô Thị Minh Hà – Thư ký viên Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa:*** Bà Trần Thị Thanh Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử giám đốc thẩm vụ án “*Tranh chấp về thừa kế tài sản*” giữa các đương sự:

***1. Nguyên đơn:***

1.1. Ông Hoàng Văn B; nơi cư trú: Thôn XH, xã TH, huyện TL, thành phố Hải Phòng.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Hoàng Văn B: Bà Hoàng Thị Th; nơi cư trú: Thôn 13, xã ĐH, huyện TL, thành phố Hải Phòng (theo Văn bản ủy quyền ngày 28/3/2019).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Hoàng Văn B: Ông Trần Minh Ngh, Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước thành phố Hải Phòng.

1.2. Bà Hoàng Thị H; nơi cư trú: Thôn 7, xã TH, huyện TL, thành phố Hải Phòng.

1.3. Bà Hoàng Thị G; nơi cư trú: Thôn 13, xã NH, huyện TL, thành phố Hải Phòng.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Hoàng Thị G: Ông Đoàn Văn C; nơi cư trú: Thôn HH, xã ĐH, huyện TL, thành phố Hải Phòng (theo Văn bản ủy quyền ngày 19 tháng 9 năm 2019).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Hoàng Thị G: Bà Nguyễn Thị H1, Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước thành phố Hải Phòng.

1.4. Bà Hoàng Thị B; nơi cư trú: Thôn 13, xã NH, huyện TL, thành phố Hải Phòng.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Hoàng Thị B: Ông Đoàn Văn Cây nơi cư trú: Thôn HH1, xã ĐH, huyện TL, thành phố Hải Phòng (theo Văn bản ủy quyền ngày 28 tháng 8 năm 2019).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Hoàng Thị B: Bà Nguyễn Thị Hồng Th2 Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước Thành phố Hải Phòng.

1.5. Bà Hoàng Thị Nh; nơi cư trú: Thôn XN, xã BH, huyện TL, thành phố Hải Phòng.

1.6. Bà Hoàng Thị Th; Thôn 13, xã NH, huyện TL, thành phố Hải Phòng.

2. *Bị đơn*: Ông Hoàng Văn L; nơi cư trú: Thôn 13, xã NH, huyện TL, thành phố Hải Phòng.

3. *Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

3.1. Bà Bùi Thị Tr; nơi cư trú: Thôn 13, xã NH, huyện TL, thành phố Hải Phòng.

3.2. Anh Hoàng Văn Th1; nơi cư trú: Thôn 13, xã NH, huyện TL, thành phố Hải Phòng.

3.3. Ủy ban nhân dân huyện TL, thành phố Hải Phòng; trụ sở: Khu II, thị trấn TL, huyện TL, thành phố Hải Phòng.

*Người đại diện hợp pháp*: Ông Nguyễn Văn Đ-Phó trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường huyện TL là người đại diện theo ủy quyền (theo Văn bản ủy quyền ngày 31 tháng 10 năm 2018).

3.4. Văn Phòng Đăng ký đất Sở Tài Nguyên và Môi trường thành phố Hải Phòng; trụ sở: Số 275, LTr, quận NgQu, thành phố Hải Phòng.

Người đại diện hợp pháp: Ông Nguyễn Trọng V - Giám đốc Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện TL là người đại diện theo ủy quyền (theo Văn bản ủy quyền số 159 ngày 27 tháng 3 năm 2019).

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại Đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình tố tụng, các đồng nguyên đơn trình bày*: Cụ Hoàng Văn S và cụ Vũ Thị D có 7 người con chung là các ông, bà: Hoàng Văn B, Hoàng Văn L, Hoàng Thị G, Hoàng Thị B, Hoàng Thị Th, Hoàng Thị H, Hoàng Thị Nh. Cụ Hoàng Văn S chết năm 1979, cụ Vũ Thị D mất năm 2010, đều không có di chúc. Di sản của các cụ là 663 m<sup>2</sup> đất tại đội 13, thôn Bạch Xa Làng, xã NH, huyện TL, thành phố Hải Phòng.

Năm 2005, ông Hoàng Văn L tự ý đề nghị Cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (sau đây viết tắt là GCNQSDĐ) đối với thửa đất nêu trên thành hai thửa: một thửa có diện tích 208,3 m<sup>2</sup> mang tên cụ Vũ Thị D, hiện nay do bà G và bà B đang quản lý, sử dụng và một thửa diện tích 454,7 m<sup>2</sup> mang tên ông L, bà Tr hiện ông L, bà Tr đang quản lý, sử dụng mà không có sự đồng ý của cụ D và các nguyên đơn.

Các nguyên đơn yêu cầu Tòa án hủy hai GCNQSDĐ đã cấp cho cụ D và ông L, bà Tr; đồng thời chia thừa kế di sản của hai cụ là 663 m<sup>2</sup> đất nêu trên theo quy định của pháp luật.

*Bị đơn ông Hoàng Văn L trình bày:* Ông thừa nhận về quan hệ huyết thống như trình bày của nguyên đơn là đúng. Nguồn gốc đất tranh chấp theo nguyên đơn trình bày là của cụ S, cụ D để lại. Năm 1982, ông đi bộ đội về, được cụ D tặng cho 454,7 m<sup>2</sup>. Việc tặng cho, cụ D có lập bằng văn bản và làm thủ tục sang tên, ký tên xác nhận do Ủy ban nhân dân xã NH lưu giữ. Năm 2005, do Nhà nước có chính sách cấp GCNQSDĐ đại trà nên ông và cụ D được cấp GCNQSDĐ, trong đó ông được cấp GCNQSDĐ đối với 368m<sup>2</sup> trong số 454,7 m<sup>2</sup>, còn lại là đất hành lang giao thông. Trên diện tích đất được cấp GCNQSDĐ ông đã xây dựng một ngôi nhà 02 tầng và một quán lợp tole. Đối với diện tích đất của cụ D đã chuyển nhượng cho nhiều người và hiện nay chỉ còn khoảng 70 m<sup>2</sup> hiện do bà B, bà Gân quản lý, sử dụng. Ông không đồng ý với yêu cầu chia thừa kế của các nguyên đơn, nếu nguyên đơn muốn chia thừa kế thì chia phần diện tích đất đã được cấp GCNQSDĐ của cụ D, còn phần đất đã được cấp GCNQSDĐ của ông thì là của ông, không ai được phép yêu cầu chia đối với phần diện tích đất này.

Ông không đồng ý yêu cầu hủy GCNQSDĐ đã cấp cho gia đình ông vì Ủy ban nhân dân huyện TL, thành phố Hải Phòng đã công nhận và cấp GCNQSDĐ cho ông đúng theo quy định của pháp luật.

*Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:*

- Bà Bùi Thị Tr (vợ của ông L trình bày- theo Biên bản làm việc ngày 27 tháng 11 năm 2018, Biên bản này bà Tr không ký nhưng có đại diện Công an xã chứng kiến): Bà Tr nhất trí với trình bày của ông L và cho rằng quyền sử dụng đất đã cấp cho hộ gia đình bà đã được cụ D cho và được chính quyền công nhận cấp GCNQSDĐ nên thuộc quyền sử dụng hợp pháp của gia đình bà; bà không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Ý kiến của Ủy ban nhân dân huyện TL:

+ Đối với yêu cầu của các nguyên đơn đề nghị hủy GCNQSDĐ đã cấp cho cụ Vũ Thị D: Khi cấp GCNQSDĐ cho cụ D thì cụ còn sống. Cụ D chết năm

2010, nay các con của cụ D đề nghị chia thừa kế thì Ủy ban nhân dân đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

+ Đối với yêu cầu của nguyên đơn đề nghị hủy GCNQSDĐ cấp cho ông Hoàng Văn L: Về hồ sơ quản lý đất đai tại Ủy ban nhân dân xã NH trước năm 1993 thì Ủy ban nhân dân xã NH không có hồ sơ tài liệu quản lý. Tại sổ tay không ghi năm thể hiện: Chủ hộ Lác (theo công chức địa chính xã NH là ông L) diện tích đất ở là 360 m<sup>2</sup>, diện tích đất ruộng 5% là 72 m<sup>2</sup>, tổng diện tích là 432 m<sup>2</sup>). Tại sổ tay theo dõi đất thổ cư năm 1993 của xã thể hiện tên người sử dụng là ông L, diện tích là 368 m<sup>2</sup> (gồm đất thổ cư là 332 m<sup>2</sup> và đất vườn là 36 m<sup>2</sup>). Theo bản đồ địa chính xã NH năm 2005 và Sổ mục kê thể hiện: Tại bản đồ số 11, thửa đất số 294, hiện trạng sử dụng: Để ở (thổ cư), diện tích 454,7 m<sup>2</sup>, tên người sử dụng là ông L. Ngày 26/12/2006, Ủy ban nhân dân huyện TL cấp GCNQSDĐ cho hộ ông L, bà Tr diện tích 368 m<sup>2</sup> đất. Hồ sơ cấp GCNQSDĐ cho hộ ông L, bà Tr năm 2006 được thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 25/2019/DSST ngày 02/10/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng quyết định:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của các ông bà Hoàng Văn B, Hoàng Thị G, Hoàng Thị B, Hoàng Thị Th, Hoàng Thị H, Hoàng Thị Nh về chia di sản thừa kế của cụ Hoàng Văn S và Vũ Thị D đối với 446 m<sup>2</sup> đất thửa đất 294 và 131, tờ bản đồ số 11, thôn Bạch Xa Làng, xã NH, huyện TL, thành phố Hải Phòng. Cụ thể:

- Các ông bà Hoàng Văn B, Hoàng Thị G, Hoàng Thị B, Hoàng Thị Th, Hoàng Thị H, Hoàng Thị Nh mỗi người được hưởng 57,8 m<sup>2</sup> đất.

- Ông Hoàng Văn L, bà Bùi Thị Tr được hưởng 96 m<sup>2</sup> (trong đó có 57,8 m<sup>2</sup> đất là di sản thừa kế ông Hoàng Văn L được hưởng và 40,8 m<sup>2</sup> đất là công sức của vợ chồng ông).

2. Chấp nhận sự tự nguyện các bà Hoàng Thị H, Hoàng Thị Th, Hoàng Thị Nh thống nhất giao ký phần thừa kế mình được hưởng cho ông Hoàng Văn B và bà Hoàng Thị G, Hoàng Thị B quản lý.

3. Phân chia cụ thể bằng hiện vật:

- Chia cho hai bà Hoàng Thị G, Hoàng Thị B quản lý, sử dụng 99 m<sup>2</sup> đất, thửa 131, tờ bản đồ số 11, thôn Bạch Xa Làng, xã NH, huyện TL, thành phố Hải Phòng (vị trí, kích thước, mốc giới có sơ đồ kèm theo).

- Chia cho ông Hoàng Văn L bà Bùi Thị Tr quản lý, sử dụng 217 m<sup>2</sup> đất tại thửa 294, tờ bản đồ số 11, thôn Bạch Xa Làng, xã NH, huyện TL, thành phố Hải Phòng (vị trí, kích thước, mốc giới có sơ đồ kèm theo).

- Chia cho ông Hoàng Văn B quản lý, sử dụng 130 m<sup>2</sup> đất, tại thửa 294, tờ bản đồ số 11, thôn BXL, xã NH, huyện TL, thành phố Hải Phòng (vị trí, kích thước, mốc giới có sơ đồ kèm theo). Diện tích đất này hiện do gia đình ông Hoàng Văn L, bà Bùi Thị Tr đang quản lý sử dụng nên buộc gia đình ông Hoàng Văn L, bà Bùi Thị Tr phải di dời cây trồng, vật kiến trúc để trả lại 130 m<sup>2</sup> đất cho ông Hoàng Văn B.

- Buộc ông Hoàng Văn L, bà Bùi Thị Tr phải thanh toán chênh lệch trị giá tài sản được hưởng cho ông Hoàng Văn B là 532.800.000 đồng (Năm trăm ba mươi hai triệu tám trăm ngàn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong khoản tiền trên, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

4. Tách phần đất lưu thông, hành lang giao thông 108,7 m<sup>2</sup> (theo sơ đồ hiện trạng sử dụng đất kèm theo Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 13 tháng 6 năm 2019 là 129,2m<sup>2</sup>) sau này giải quyết bằng vụ án khác sau khi Nhà nước mở rộng đường xác định được loại đất nếu các đương sự có yêu cầu.

5. Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN 494290 ngày 26/12/2006 do Ủy ban nhân dân huyện TL cấp cho ông Hoàng Văn L, bà Bùi Thị Tr đối với thửa 294, tờ bản đồ số 11, thôn Bạch Xa Làng, xã NH, huyện TL, thành phố Hải Phòng.

Ngoài ra Bản án còn quyết định về chi phí xem xét thẩm định và định giá tài sản, trách nhiệm thi hành án và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi Bản án dân sự sơ thẩm số 25/2019/DSST ngày 02/10/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng có hiệu lực pháp luật, Chi cục thi hành án dân sự huyện TL kiến nghị Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xem xét lại Bản án sơ thẩm theo thủ tục giám đốc thẩm, tái thẩm. Ông Hoàng Văn L, bà Bùi Thị Tr, chị Hoàng Thị H3, chị Hoàng Thị H4 và anh Hoàng Văn Th1 có đơn đề nghị giám đốc thẩm.

Tại Quyết định kháng nghị số 32/2022/KN-DS ngày 12/7/2022, Chánh án Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội đã kháng nghị đối với Bản án dân sự sơ thẩm số 25/2019/DSST ngày 02/10/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng; đề nghị Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử giám đốc thẩm hủy toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số 25/2019/DSST ngày 02/10/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng; giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng giải quyết sơ thẩm lại vụ án theo đúng quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa giám đốc thẩm, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội đề nghị Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội chấp nhận toàn bộ kháng nghị của Chánh án Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về việc xác định người tham gia tố tụng: Tại Sổ mục kê năm 1993, năm 2006 và Sổ quản lý đất đai năm 2010 thì người sử dụng đất đối với thửa đất 294 là hộ gia đình ông L. Tại Trích lục bản đồ hiện trạng mặt bằng sử dụng đất tháng 4/2006 thì người sử dụng đất đối với thửa đất số 294 chủ hộ là ông L, bà Tr. Quá trình thực hiện thủ tục đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN 494290 được Ủy ban nhân dân huyện TL cấp ngày 26/12/2006 thì tên người sử dụng đất là hộ ông L, bà Tr. Như vậy, xác định của Cơ quan có thẩm quyền quản lý đất đai thì quyền sử dụng thửa đất số 294 từ năm 1993 đều đứng tên người sử dụng đất là hộ ông L, bà Tr.

Tại Biên bản làm việc ngày 23/11/2018, ông Vũ Văn Ng (Trưởng Công an xã NH, huyện TL) cung cấp thông tin: *“Năm 1993 hộ gia đình ông Hoàng Văn L gồm 05 nhân khẩu là ông Hoàng Văn L, sinh năm 1957, bà Bùi Thị Tr, sinh năm 1958, chị Hoàng Thị H4, sinh năm 1985, chị Hoàng Thị H3, sinh năm 1987, anh Hoàng Văn Th1, sinh năm 1992”*. Kèm theo Công văn kiến nghị của Chi cục Thi hành án dân sự huyện TL thì có xác nhận thành viên hộ gia đình ông L thì ngoài ông L, bà Tr, anh Th1, nhân khẩu hộ gia đình ông L còn có chị Huyền và chị Huyền.

Như vậy, xác minh tại Công an xã NH, chứng cứ đương sự và cơ quan có thẩm quyền cung cấp thì hộ gia đình ông L ngoài ông L, bà Tr, anh Th1 còn có chị H3 và chị H4. Quá trình sử dụng đất hộ gia đình ông L đã gìn giữ, cải tạo, xây dựng công trình trên đất tranh chấp, năm 2006 hộ gia đình ông L được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Tòa án cấp sơ thẩm không đưa chị H3, chị H4 vào tham gia tố tụng là thiếu sót.

[2] Về tài sản trên thửa đất số 294 do hộ ông Hoàng Văn L đang quản lý sử dụng: Tại Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 13/6/2019 của Tòa án nhân dân huyện TL trên thửa đất số 294 đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông L thì ngoài nhà ở 02 tầng và công trình phụ của gia đình ông L còn có 01 quán sửa chữa xe máy tường xây, mái lợp tole mạ màu, diện tích khoảng 50m<sup>2</sup>. Tại Công văn số 54/CCTHA ngày 15/6/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện TL đã kiến nghị vì khó thi hành án do phần đất 130m<sup>2</sup> Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng quyết định chia cho ông Hoàng Văn B (anh trai ông L) có bờ tường rào, các vật kiến trúc trên đất, các cây cối lâu năm...của gia đình ông L.

Như vậy, theo Biên bản thẩm định tại chỗ của Tòa án cấp sơ thẩm và xác minh của Cơ quan thi hành án thì trên thửa đất số 294 ngoài nhà ở, công trình phụ còn có nhà sửa xe máy do con trai ông L quản lý, sử dụng và cây cối lâm lộc trên đất. Theo lời khai của các đương sự thì gia đình ông L quản lý sử dụng đất từ năm 1982, đến năm 1992 thì kê khai và được ghi nhận trong Sổ mục kê, bản đồ địa chính và năm 2006 được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; khi sử dụng đất cụ D và các thừa kế đều không có ý kiến phản đối (ông L thì khai cụ D cho ông đất từ năm 1982). Do đó, có cơ sở xác định tài sản trên thửa đất số 294 là thuộc quyền sở hữu hợp pháp của gia đình ông L. Tòa án cấp sơ thẩm lẽ ra giao phần đất cho ông B thì phải buộc ông B bồi thường cho hộ gia đình ông L thì mới đúng pháp luật.

Hơn nữa, Tòa án cấp sơ thẩm nhận định và quyết định buộc gia đình ông L phải di dời cây trồng, vật kiến trúc để trả ông B 130m<sup>2</sup> đất mà không quyết định cụ thể di dời từng loại tài sản gì gây khó khăn cho thi hành án như kiến nghị của Chi cục thi hành án dân sự huyện TL.

[3] Đối với công sức cải tạo đất tranh chấp của gia đình ông L: Theo Sổ mục kê năm 1993 thì ông L kê khai, sử dụng diện tích là 432m<sup>2</sup> đất, trong đó có 72m<sup>2</sup> đất ruộng 5% và 360m<sup>2</sup> đất ở. Theo Sổ mục kê năm 2006 thì gia đình ông L sử dụng tổng số 454,7m<sup>2</sup> đất ở. Theo Sổ quản lý theo dõi năm 2010 thì gia đình ông L sử dụng tổng diện tích 368m<sup>2</sup>, trong đó có 332m<sup>2</sup> đất thổ cư và 36m<sup>2</sup> đất vườn. Sau khi Bản án sơ thẩm có hiệu lực pháp luật, tại đơn đề nghị giám đốc thẩm thì ông L, bà Tr, chị H3, chị H4 cho rằng phần đất Tòa án cấp sơ thẩm chia cho ông B thì gia đình ông L được cụ D cho từ năm 1982 khi đó là một cái ao sâu thừng bèo; trong quá trình sử dụng gia đình ông L đã cải tạo, lấp ao nhưng không được Tòa án xem xét. Đề nghị của ông L, bà Tr, chị H3, chị H4 phù hợp với hiện trạng sử dụng đất của gia đình ông L năm 1993 là tại thời điểm này gia đình ông L có sử dụng 72m<sup>2</sup> đất ruộng 5% nhưng có phải đất ao như trình bày của gia đình ông L hay không thì chưa được làm rõ. Như vậy, Tòa án cấp sơ thẩm đã không thu thập chứng cứ làm rõ quá trình cải tạo đối với thửa đất 294, có hay không việc cải tạo lấp ao như gia đình ông L đã trình bày? Nếu có công sức, chi phí lấp ao thì phải được tính công sức, chi phí cho hộ gia đình ông L.

[4] Về xác định di sản thừa kế:

[4.1] Nguồn gốc tổng diện tích 854,4m<sup>2</sup> đất là tài sản chung của cụ S và cụ D. Đồng nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều thừa nhận sau khi cụ S chết thì cụ D cùng các con đã bán 299,7m<sup>2</sup> đất của thửa đất số 132 và 133. Như vậy, cụ D và các đồng thừa kế đã cùng nhau định đoạt đối với hai thửa đất trên nên phải trừ vào tổng diện tích là tài sản chung của cụ S, cụ D; Tòa

án cấp sơ thẩm chỉ trừ vào phần tài sản của cụ D là sai.

[4.2] Phần diện tích đất của gia đình ông L đang sử dụng thì ông L khai được cụ D cho từ năm 1982; việc tặng cho có lập văn bản và nộp cho Ủy ban nhân dân xã NH. Quá trình sử dụng đất, ông L kê khai và thực hiện nghĩa vụ của người sử dụng đất đối với thửa đất số 294, diện tích 454,7m<sup>2</sup>; cụ D kê khai và sử dụng đất đối với thửa đất số 131, diện tích 100m<sup>2</sup> (bên cạnh thửa đất hộ ông L). Khi các con của cụ D xây nhà cho cụ tại thửa đất số 131, đồng thời cũng xây dựng tường bao tạo khuôn viên riêng của hai thửa đất.

Theo lời khai ngày 19/8/2019 của ông Vũ Văn V (là cán bộ địa chính xã NH): năm 2005 theo chủ trương cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của Nhà nước là cấp đại trà cho nhân dân thì chính quyền địa phương có mời Tổng cục đo đạc bản đồ của Trung ương về đo đạc. Ủy ban nhân dân xã NH đã đối chiếu với sổ sách quản lý đất đai của địa phương năm 1986, 1993 để làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho người sử dụng đất trong đó có cụ D và hộ ông L. Sau đó, cụ D được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 131, diện tích 78m<sup>2</sup>; hộ ông L được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện 368m<sup>2</sup>.

Như vậy, mặc dù ông L không xuất trình được giấy tờ chứng minh cụ D cho ông đất từ năm 1982, nhưng căn cứ vào quá trình sử dụng đất của hộ ông L (từ năm 1982), đất có khuôn viên riêng, khi kê khai qua các thời kỳ thì cụ D kê khai riêng, hộ ông L kê khai riêng; hộ ông L xây dựng nhà ở ổn định gần 40 năm và đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất riêng; cụ D đã kê khai, sử dụng thửa đất số 131 có khuôn viên riêng và đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất riêng.

Tòa án cấp sơ thẩm chưa thu thập chứng cứ để làm rõ quá trình hộ ông L quản lý, sử dụng các đương sự là con chung của cụ S, cụ D có ý kiến phản đối gì hay không? Có đơn từ gửi đến Cơ quan quản lý đất đai, chính quyền địa phương ngăn cản việc hộ ông L quản lý, sử dụng, xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hay không...để đánh giá toàn diện vụ án. Trong trường hợp các đồng thừa kế của cụ S và cụ D có ý kiến phản đối gửi đơn đến các Cơ quan nêu trên thì cũng đủ cơ sở xác định hộ ông L đã được cụ D cho phần tài sản (quyền sử dụng đất) của cụ D trong khối tài sản chung của cụ D và cụ S. Tòa án cấp sơ thẩm xác định toàn bộ phần đất hộ ông L sử dụng là di sản thừa kế là không đúng.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 3 Điều 343, Điều 345 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1] Chấp nhận toàn bộ Quyết định kháng nghị số 32/2022/KN-DS ngày 12/7/2022 của Chánh án Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

[2] Hủy toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số 25/2019/DSST ngày 02/10/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng về vụ án “*Tranh chấp về thừa kế tài sản*” giữa nguyên đơn là ông Hoàng Văn B, bà Hoàng Thị H, bà Hoàng Thị G, bà Hoàng Thị B, bà Hoàng Thị Nh, bà Hoàng Thị Th và bị đơn là ông Hoàng Văn L cùng với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan khác.

[3] Giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm lại vụ án theo đúng quy định của pháp luật.

[4]. Quyết định giám đốc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày Hội đồng giám đốc thẩm ra quyết định./

**Nơi nhận:**

- Chánh án TANDCC tại Hà Nội (để báo cáo);
- VKSNDCC tại Hà Nội (để biết);
- TAND TP. Hải Phòng (kèm hồ sơ vụ án);
- Cục THADS TP. Hải Phòng;
- Chi cục THADS H. TL, TP. Hải Phòng;
- Các đương sự;
- Lưu: Phòng HCTP-VP, Phòng GDKTIII, HSGĐT.

**TM. ỦY BAN THẨM PHÁN  
PHÓ CHÁNH ÁN- CHỦ TỌA  
PHIÊN TÒA**

**(Đã ký)**

**Nguyễn Hồng Nam**